

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương Quy định trình tự, thủ tục xác nhận ưu đãi và hậu kiểm ưu đãi đối với Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển;

Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 03 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý và sử dụng kinh phí chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 5 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Lao động - Thương binh và Xã hội; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *✍*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP: Các PCVP UBND tỉnh, các CV;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Anh

QUY ĐỊNH

**Chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 17/2018/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm
2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng).*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định Chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ; trình tự xây dựng, thẩm định, phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ và hậu kiểm hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân (sau đây viết tắt là nhà đầu tư) thực hiện các hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của tỉnh được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công nghiệp hỗ trợ là các ngành công nghiệp sản xuất nguyên liệu, vật liệu, linh kiện và phụ tùng để cung cấp cho sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh.

2. Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ là sản phẩm thuộc các ngành công nghiệp sản xuất nguyên liệu, vật liệu, linh kiện và phụ tùng để cung cấp cho sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh.

3. Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của tỉnh (sau đây viết tắt là Danh mục ưu tiên) là các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này, được điều chỉnh phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo từng thời kỳ.

4. Hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ bao gồm: Hoạt động trợ giúp của cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân về công nghiệp hỗ trợ, đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu và phát triển, hỗ trợ chuyển giao công nghệ sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, hợp tác quốc tế, phát triển thị trường; đầu tư dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; cung ứng dịch vụ phục vụ công nghiệp hỗ trợ.

5. Dự án đầu tư mới sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ là dự án được thực hiện lần đầu hoặc hoạt động độc lập với các dự án hiện có.

6. Dự án đầu tư mở rộng là dự án đang sản xuất và được mở rộng quy mô, nâng cao công suất, đổi mới công nghệ để sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ có ứng dụng thiết bị mới, quy trình sản xuất mới với năng lực sản xuất tăng ít nhất 20%.

7. Chuyển giao công nghệ là chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng một phần hoặc toàn bộ công nghệ từ bên có quyền chuyển giao công nghệ sang bên nhận công nghệ.

Điều 4. Nguyên tắc hỗ trợ

Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí cho các nội dung tại Quy định này theo nguyên tắc:

1. Hỗ trợ nhà đầu tư tham gia thực hiện chính sách hỗ trợ sau đầu tư.
2. Các nhà đầu tư tham gia thực hiện chính sách hỗ trợ chịu trách nhiệm huy động các nguồn vốn để kết hợp với phần ngân sách hỗ trợ để đảm bảo thực hiện các hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ có hiệu quả.
3. Trường hợp nhà đầu tư được hưởng nhiều ưu đãi cùng loại thì được hưởng mức ưu đãi cao nhất theo quy định hiện hành.
4. Các dự án đã và đang thực hiện bằng nguồn ngân sách của Nhà nước không thuộc đối tượng xem xét hỗ trợ, ưu đãi theo Quy định này.
5. Trong khi ngân sách của tỉnh có hạn, ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định kinh phí hỗ trợ

Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng quyết định kinh phí hỗ trợ đối với dự án đầu tư phát triển sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục ưu tiên.

Điều 6. Phương thức hỗ trợ

1. Đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư. Căn cứ quyết định phê duyệt mức kinh phí hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng, theo dự toán được giao hằng năm hoặc bổ sung trong năm, trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách, Sở Công Thương có trách nhiệm giải ngân 100% kinh phí hỗ trợ đối với các dự án đã hoàn thành đầu tư và được nghiệm thu.

2. Trường hợp chính sách hỗ trợ nghiên cứu và phát triển công nghệ sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục ưu tiên, nhà đầu tư được xem xét hỗ trợ theo tiến độ dự án. Sau khi khởi công dự án, nhà đầu tư được tạm ứng 30% mức kinh phí hỗ trợ và được thanh toán tiếp 40% mức kinh phí hỗ trợ theo tiến độ thực hiện hạng mục dự án. Sau khi dự án đã hoàn thành đầu tư và được nghiệm thu, Sở Công Thương giải ngân 30% mức kinh phí hỗ trợ còn lại. Nhà đầu tư phải có văn bản cam kết nếu không thực hiện dự án theo đúng mục đích, tiến độ sẽ hoàn trả kinh phí hỗ trợ đã nhận. Căn cứ quyết định phê duyệt mức

kinh phí hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng, theo dự toán được giao hằng năm hoặc bổ sung trong năm trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giám sát việc thực hiện dự án và giải ngân theo quy định.

Điều 7. Nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động

1. Ngân sách tỉnh bảo đảm kinh phí cho các hoạt động thuộc Chương trình hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng theo đối tượng quy định tại Điều 2 của Quy định này.

2. Nguồn kinh phí đề xuất hỗ trợ từ Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ của Trung ương.

3. Nguồn kinh phí ngân sách địa phương.

4. Phần còn lại là kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác, lồng ghép các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia và các Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác để thực hiện tốt mục tiêu của phát triển công nghiệp hỗ trợ.

Điều 8. Quản lý kinh phí hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ

1. Sở Công Thương xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí cho Chương trình hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ của tỉnh, tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của Sở Công Thương gửi Sở Tài chính cân đối, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Cơ quan quản lý Chương trình hỗ trợ (Sở Công Thương) được bố trí tối đa 1,5% kinh phí hỗ trợ của Chương trình hỗ trợ và nằm trong dự toán do Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng năm để tổ chức thẩm định, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu; chi phí làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi kiểm tra và thuê chuyên gia (nếu có).

2. Kinh phí thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ được phân bổ dự toán, thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

3. Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp thuộc Sở Công Thương là đơn vị trực tiếp quản lý, cấp phát và quyết toán kinh phí thuộc Chương trình hỗ trợ; mức trích lại cho đơn vị triển khai thực hiện đề án công nghiệp hỗ trợ được chi tối đa 3% dự toán đề án công nghiệp hỗ trợ (đối với đề án ở địa bàn có Điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, huyện nghèo theo quy định của Chính phủ được chi không quá 4% dự toán) để chi công tác quản lý, chỉ đạo, giám sát, chi khác nếu có.

4. Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong việc sử dụng kinh phí đều phải có chứng từ hợp pháp theo quy định, tuân thủ chế độ tài chính hiện hành và các quy định tại Thông tư số 29/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 03 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn lập, quản lý và sử dụng kinh phí chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ.

Chương II

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG

Điều 9. Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển

Nhà đầu tư có dự án đầu tư nghiên cứu, phát triển công nghệ và sản xuất thử nghiệm các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục ưu tiên được hỗ trợ như sau:

1. Được hỗ trợ chi phí đầu tư nghiên cứu công nghệ mới, công nghệ tiên tiến thay thế công nghệ nhập khẩu hoặc công nghệ có kết quả ứng dụng mang lại hiệu quả cao so với công nghệ đang thực hiện. Mức hỗ trợ tối đa đến 50% chi phí nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án, bao gồm các chi phí: Mua máy móc thiết bị, hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc nghiên cứu công nghệ.

2. Được hỗ trợ chi phí thực hiện dự án đầu tư sản xuất thử nghiệm các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Mức hỗ trợ tối đa đến 50% chi phí nhưng không quá 300 triệu đồng/dự án, bao gồm các chi phí: Đầu tư máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, nguyên vật liệu, mua tài liệu kỹ thuật, tiêu thụ năng lượng, thuê nhân công, kiểm định chất lượng sản phẩm.

Điều 10. Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao

1. Hoạt động ứng dụng và chuyển giao công nghệ để sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục ưu tiên được hỗ trợ như sau:

a) Các dự án hợp tác giữa doanh nghiệp sản xuất và các đơn vị có công nghệ ứng dụng trong việc chuyển giao công nghệ được hỗ trợ tối đa đến 50% chi phí nhưng không quá 300 triệu đồng/dự án. Trường hợp dự án sản xuất vật liệu có sử dụng trên 85% nguyên liệu là sản phẩm của quá trình chế biến sâu khoáng sản trong nước bao gồm quặng kim loại, quặng phi kim loại để phục vụ cho sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, được hỗ trợ tối đa đến 50% chi phí nhưng không quá 450 triệu đồng/dự án.

b) Được hỗ trợ chi phí chế tạo thử nghiệm sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục ưu tiên, mức hỗ trợ tối đa đến 50% chi phí nhưng không quá 100 triệu đồng/dự án, bao gồm các chi phí: Nguyên vật liệu, tài liệu kỹ thuật, tiêu thụ năng lượng, thuê nhân công, kiểm định chất lượng sản phẩm.

2. Được hỗ trợ chi phí giám định công nghệ chuyển giao, mức hỗ trợ tối đa đến 50% chi phí nhưng không quá 40 triệu đồng/dự án.

Điều 11. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực

Doanh nghiệp có dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục ưu tiên được hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực như sau: Được hỗ trợ một lần chi phí cho doanh nghiệp tổ chức đào tạo nghề cho người lao động học nghề ngắn hạn có thời gian đào tạo dưới 03 tháng với mức hỗ trợ tối đa đến 70% chi phí nhưng không quá 2,5 triệu đồng/người/khóa học.

Điều 12. Hỗ trợ xúc tiến thương mại, phát triển thị trường

Doanh nghiệp có dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục ưu tiên phát triển được hỗ trợ như sau:

1. Được hỗ trợ tham gia hội chợ, triển lãm trong nước (*trong tỉnh hoặc ngoài tỉnh*), nước ngoài với mức hỗ trợ theo quy định tại Điều 6 Thông tư Số 29/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 03 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn lập, quản lý và sử dụng kinh phí chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ.

2. Được hỗ trợ xây dựng và xác lập quyền sở hữu công nghiệp (*nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp*) trong nước với mức hỗ trợ tối đa đến 50% chi phí nhưng không quá 35 triệu đồng/văn bằng và không quá 02 văn bằng/doanh nghiệp/năm; Hỗ trợ xác lập quyền sở hữu công nghiệp quốc tế với mức hỗ trợ tối đa đến 50% chi phí nhưng không quá 50 triệu đồng/văn bằng và không quá 01 văn bằng/doanh nghiệp/năm.

Chương III TRÌNH TỰ XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ VÀ HẬU KIỂM

Điều 13. Điều kiện được hỗ trợ

1. Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ phù hợp với Danh mục ưu tiên quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

2. Phù hợp với các nội dung hoạt động hỗ trợ quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12, Chương II của Quy định này.

3. Trong cùng một nội dung hỗ trợ, nếu nhà đầu tư đã được hỗ trợ theo các quy định khác của Ủy ban nhân dân tỉnh thì không được hỗ trợ theo Quy định này.

4. Dự án đầu tư đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành của pháp luật.

5. Nhà đầu tư thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế theo quy định hiện hành.

Điều 14. Tiếp nhận, đánh giá, thẩm định

1. Thành phần, nhiệm vụ và nguyên tắc làm việc của Hội đồng thẩm định:

Hội đồng thẩm định (Hội đồng) do Giám đốc Sở Công Thương quyết định thành lập. Sở Công Thương là cơ quan thường trực của Hội đồng. Hội đồng sử dụng con dấu của Sở Công Thương trong thời gian thực hiện nhiệm vụ và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

a) Thành phần Hội đồng:

Hội đồng thẩm định gồm các thành viên sau:

- Chủ tịch Hội đồng: Lãnh đạo Sở Công Thương;
- Các Ủy viên Hội đồng: Đại diện Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (đối với nội dung hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực), Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Cao Bằng, các tổ chức, chuyên gia khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh (khi cần thiết) và đại diện lãnh đạo các phòng, đơn vị liên quan thuộc Sở Công Thương.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng:

- Xem xét, đánh giá hiệu quả kinh tế theo nội dung quy định tại Khoản 2 Điều này.
- Căn cứ kết quả thực hiện dự án của nhà đầu tư, Hội đồng tiến hành thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ và đề xuất mức hỗ trợ theo Quy định này.

c) Nguyên tắc làm việc của Hội đồng:

- Dân chủ, công khai và minh bạch theo đúng quy định của pháp luật.
- Hội đồng làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và theo nguyên tắc đa số thông qua dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hội đồng. Cuộc họp của Hội đồng được tổ chức khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng tham dự.

2. Nội dung thẩm định:

a) Mức độ phù hợp của dự án đối với các điều kiện hỗ trợ được quy định tại Điều 13 của Quy định này.

b) Mục tiêu, sự cần thiết và hiệu quả của dự án; tính hợp lý về sử dụng kinh phí, nguồn lực và cơ sở vật chất, kỹ thuật khác.

c) Năng lực của nhà đầu tư thực hiện dự án.

d) Sự phù hợp và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu của dự án.

đ) Khả năng đáp ứng các điều kiện về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 15. Xây dựng và thực hiện chính sách hỗ trợ

1. Trên cơ sở kết quả thẩm định, Hội đồng tổng hợp trình Giám đốc Sở Công Thương để xem xét xác định Chương trình hỗ trợ và đưa vào dự toán kinh phí hàng năm của Sở Công Thương đảm bảo thời gian theo quy định.

2. Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và Sở Tài chính thông báo dự toán chi ngân sách (trong đó có nội dung chi cho Chương trình hỗ trợ), Giám đốc Sở Công Thương tiến hành rà soát để phân bổ kinh phí được hỗ trợ đảm bảo nguyên tắc tổng kinh phí hỗ trợ để thực hiện các dự án trong Chương trình hỗ trợ không vượt quá dự toán được phê duyệt. Trên cơ sở đó, Giám đốc Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Chương trình hỗ trợ, hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

- Tờ trình của Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Chương trình hỗ trợ kèm theo Biên bản thẩm định của Hội đồng.

- Dự thảo quyết định phê duyệt Chương trình, kèm biểu tổng hợp chi tiết các dự án.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương hướng dẫn việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng, thanh toán, quyết toán các khoản kinh phí hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Hậu kiểm và thu hồi hỗ trợ

1. Sở Công Thương có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất các dự án được hưởng hỗ trợ trên địa bàn tỉnh; tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý các trường hợp sai phạm, các vấn đề vướng mắc liên quan.

2. Nội dung kiểm tra: Hồ sơ pháp lý; cơ sở vật chất; sản phẩm của dự án được hưởng hỗ trợ; tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh.

3. Các trường hợp bị thu hồi hỗ trợ:

- a) Khai báo không trung thực và sử dụng các chính sách hỗ trợ không đúng mục đích;

- b) Trong quá trình sản xuất có sự thay đổi về sản phẩm đang được hưởng hỗ trợ mà nhà đầu tư không báo cáo với cơ quan có thẩm quyền;

- c) Các sai phạm khác theo kiến nghị của đoàn kiểm tra.

4. Nhà đầu tư sai phạm có trách nhiệm hoàn trả các hỗ trợ đã được hưởng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi sai phạm.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước

1. Sở Công Thương là cơ quan đầu mối, chủ trì tổ chức thực hiện Chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân về thủ tục, hồ sơ để tham gia Chương trình hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ hàng năm. Chủ trì tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt mức kinh phí hỗ trợ.

b) Rà soát, cập nhật Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo từng thời kỳ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các dự án, việc quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các vấn đề có liên quan đến quá trình thực hiện Chương trình hỗ trợ.

d) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân về thủ tục, hồ sơ để tham gia Chương trình hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ quốc gia và định kỳ hàng năm báo cáo tổng hợp các dự án được xác nhận ưu đãi gửi Bộ Công Thương theo danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển được quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ.

đ) Quản lý, theo dõi và tổng hợp báo cáo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất về tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh gửi Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan theo quy định.

2. Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan có trách nhiệm phối hợp Sở Công Thương thẩm định, tham gia ý kiến về hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh công tác phổ biến, cung cấp thông tin, vận động doanh nghiệp tham gia phát triển công nghiệp hỗ trợ.

Điều 18. Trách nhiệm của nhà đầu tư

1. Lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo quy định, đảm bảo và chịu trách nhiệm pháp lý về tính chính xác, trung thực và đầy đủ các thông tin trong hồ sơ, tài liệu đã cung cấp cho cơ quan quản lý trong việc xây dựng chính sách hỗ trợ. Quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích và thực hiện thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo đúng quy định.

2. Sau khi nhận được kinh phí hỗ trợ, trong thời gian ba năm tiếp theo, nhà đầu tư có trách nhiệm báo cáo định kỳ trước ngày 20 tháng 12 hàng năm gửi Sở Công Thương về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ được hưởng hỗ trợ. Nội dung báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh gồm: Vốn đầu tư thực hiện; kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh;

thông tin về lao động, doanh thu, giá trị xuất khẩu, nộp ngân sách và các chỉ tiêu chuyên ngành khác.

Điều 19. Tổ chức thực hiện:

Giao Sở Công Thương là cơ quan đầu mối, chủ trì tổ chức thực hiện Chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh; định kỳ tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện Chính sách, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Công Thương.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh./. *g*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Anh
Hoàng Xuân Anh

PHỤ LỤC
CÁC DANH MỤC DỰ ÁN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ ƯU TIÊN PHÁT TRIỂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG
(Kèm theo Quy định Chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành tại Quyết định số: 17 /2018/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng).

I. NGÀNH DỆT - MAY:

- Xơ thiên nhiên: Bông, đay, gai, tơ tằm;
- Xơ tổng hợp: PE, Viscose;
- Sợi dệt kim, sợi dệt thoi; sợi Polyester có độ bền cao, sợi Spandex, nylon có độ bền cao;
- Vải: Vải kỹ thuật, vải không dệt, vải dệt kim, vải dệt thoi;
- Chỉ may trong ngành dệt may;
- Hóa chất, chất trợ, thuốc nhuộm phục vụ ngành nhuộm hoàn tất vải;
- Phụ liệu ngành may: Cúc, mex, khóa kéo, băng chun.

II. NGÀNH DA - GIÀY:

- Da thuộc;
- Vải giả da;
- Đế giày, mũi giày, dây giày;
- Hóa chất thuộc da;
- Da muối;
- Chỉ may giày;
- Keo dán giày, Phụ liệu trang trí như khóa, khoen, móc...

III. NGÀNH ĐIỆN TỬ:

- Linh kiện điện tử - quang điện tử cơ bản: Transistor, mạch tích hợp, cảm biến, điện trở, tụ, điôt, ăngten, thyristor;
- Linh kiện thạch anh;
- Vi mạch điện tử;
- Vật liệu sản xuất linh kiện điện tử: Chất bán dẫn, vật liệu từ cứng, vật liệu từ mềm, chất cách điện tích cực;
- Linh kiện sản phẩm điện tử: Linh kiện nhựa, linh kiện cao su, chi tiết cơ - điện tử, linh kiện kính;
- Pin dùng cho máy vi tính xách tay, điện thoại di động;

- Dây và cáp điện, đèn led, tai nghe điện thoại và loa;
- Sạc pin điện thoại;
- Màn hình các loại.

IV. NGÀNH SẢN XUẤT LẮP RÁP Ô TÔ:

- Động cơ và chi tiết động cơ: Thân máy, piston, trục khuỷu, thanh truyền, bánh răng, cụm ống xả, xi lanh, cụm đầu xi lanh, trục cam, xéc-măng, van động cơ;
- Hệ thống bôi trơn: Bộ lọc dầu, bộ làm mát, bộ tản nhiệt, bơm dầu, các loại van;
- Hệ thống làm mát: Bộ tản nhiệt, két nước, quạt gió, van hằng nhiệt, bơm nước;
- Hệ thống cung cấp nhiên liệu: Thùng nhiên liệu, bộ lọc nhiên liệu, bộ lọc không khí, ống dẫn bơm nhiên liệu, bộ chế hòa khí, hệ thống phun nhiên liệu;
- Khung - thân vỏ - cửa xe: Các chi tiết dạng tấm đột dập, sắt xi, thùng xe tải, bậc lên xuống, cụm cửa xe;
- Hệ thống treo: Nhíp, lò xo đàn hồi, bộ giảm chấn;
- Bánh xe: Lốp xe, vành bánh xe bằng hợp kim nhôm;
- Hệ thống truyền lực: Ly hợp, hộp số, cầu xe, trục các đăng;
- Hệ thống lái;
- Hệ thống phanh;
- Linh kiện điện - điện tử:
 - + Nguồn điện:Ắc quy, máy phát điện;
 - + Thiết bị đánh lửa: Bugi, cao áp, biến áp;
 - + Role khởi động, động cơ điện khởi động;
 - + Dây điện, đầu nối, cầu chì, các loại cảm biến, thiết bị tự động điều khiển, bộ xử lý.
- Hệ thống chiếu sáng và tín hiệu: Đèn, còi, đồng hồ đo các loại;
- Hệ thống xử lý khí thải ô tô;
- Linh kiện nhựa cho ô tô;
- Linh kiện cao su, vật liệu giảm chấn;
- Kính chắn gió, cần gạt nước, ghế xe.

V. NGÀNH CƠ KHÍ CHẾ TẠO:

- Khuôn mẫu, đồ gá: Khuôn dập, khuôn đúc, đồ gá gia công, đồ gá kiểm tra;
- Dụng cụ - dao cắt: Dao tiện, dao phay, mũi khoan;
- Linh kiện và phụ tùng máy gia công cơ khí, máy hàn;
- Linh kiện và phụ tùng máy động lực, máy nông nghiệp, đóng tàu;

- Linh kiện và phụ tùng máy, thiết bị chế biến nông lâm thủy sản và muối;
- Dụng cụ đo lường, kiểm tra dùng trong cơ khí: Thước đo, máy đo 3 chiều, máy phân tích thành phần kim loại, máy siêu âm mối hàn;
- Chi tiết máy: Bu lông cường độ cao, ốc vít cường độ cao, ổ bi, bạc lót, bánh răng, van, khớp các loại, vỏ máy, chi tiết đột dập, hộp biến tốc, xi lanh thủy lực;
- Thép chế tạo.

VI. CÁC SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ CHO CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO:

- Các loại khuôn mẫu: Khuôn mẫu có độ chính xác cao, khuôn đúc nhựa có độ chính xác cao;
- Các loại chi tiết cơ khí tiêu chuẩn chất lượng cao: Các loại đai ốc, bu lông, ốc vít có độ chính xác cao dùng cho các thiết bị điện tử, cơ điện tử, điện tử y tế, rô bốt công nghiệp;
- Các loại linh kiện điện tử, mạch vi điện tử để phát triển các thiết bị: Thiết bị ngoại vi, máy vi tính, đồ điện tử gia dụng, thiết bị nghe nhìn, pin mặt trời; các loại chip vi xử lý; các bộ điều khiển (Bộ điều khiển khả trình PLC, bộ điều khiển CNC, ...);
- Các cụm linh kiện, phụ tùng cho hệ thống thiết bị sản xuất điện năng từ năng lượng mới và năng lượng tái tạo;
- Các loại chi tiết nhựa chất lượng cao: Các bộ truyền động chính xác, các chi tiết có độ bền và tuổi thọ cao, chịu nhiệt và chịu mài mòn bằng nhựa;
- Cảm biến các loại: Cảm biến khí, cảm biến gia tốc, cảm biến từ trường; cảm biến sinh học, cảm biến nhiệt độ, cảm biến độ ẩm, cảm biến ánh sáng, cảm biến áp suất....;
- Các loại động cơ thể hệ mới: Động cơ điện, động cơ ồ từ, động cơ servo (động cơ bước), động cơ từ kháng, động cơ tuyến tính;
- Các cơ cấu chấp hành có độ chính xác cao./.